CẦN CÓ QUY ĐỊNH THỜI HIỆU KHỞI KIỆN VỀ THỪA KẾ

ĐỖ VĂN CHỈNH - TRẦN THỊ NƯƠNG
Tạp chí TAND

Quan hệ thừa kế là quan hệ phổ biến trong nhân dân, quan hệ này không chỉ có ở Việt Nam mà có cả ở các nước trên thế giới. Quan hệ thừa kế có từ khi xã hội phân chia thành giai cấp, khi có nhà nước và pháp luật.

Tài sản của người chết để lại (gọi là di sản) là tài sản chung của các thừa kế và các thừa kế là đồng chủ sở hữu đối với di sản. Kể từ khi thành lập nước (2/9/1945) đến nay, pháp luật dân sự nước ta quy định về thừa kế tại hai giai đoạn khác nhau, cụ thể là:

1. Từ ngày 02/9/1945 đến trước ngày 30/8/1990

Thời gian này, pháp luật thừa kế không quy định thời hiệu khởi kiện về yêu cầu chia di sản. Các văn bản pháp luật đó là:

a. *Văn bản thứ nhất*: Sắc lệnh số 97/SL ngày 22/5/1950 của Chủ tịch Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (sau đây viết tắt là Sắc lệnh số 97/SL). Tại Điều 10 Sắc lệnh số 97/SL quy định như sau: *"Con cháu hoặc vợ chồng của người chết cũng không bắt buộc phải nhận thừa kế người ấy. Khi nhận thừa kế thì các chủ nợ của người chết cũng không có quyền đòi nợ quá số di sản để lại"*. Tại Điều 11 Sắc lệnh số 97/SL quy định như sau: *"Trong lúc còn sinh thời người chồng góa vợ hay vợ góa, các con đã thành niên có quyền xin chia phần tài sản thuộc quyền sở hữu của người chết, sau khi đã thanh toán tài sản chung"*.

b. *Văn bản thứ hai*: Luật Hôn nhân và gia đình được Quốc hội thông qua ngày 29/12/1959 (Luật HN và GĐ năm 1959)

Tại Điều 16 Luật HN và GĐ năm 1959 quy định như sau: *"Vợ và chồng đều có quyền thừa kế tài sản của nhau"*.

Tại Điều 19 Luật HN và GĐ năm 1959 quy định: *"Con trai và con gái có quyền lợi và nghĩa vụ ngang nhau trong gia đình."*

Tại Điều 23 Luật HN và GĐ năm 1959 quy định: *"Con ngoài giá thú được cha, mẹ nhận hoặc được Tòa án nhân dân cho nhận cha, mẹ có quyền lợi và nghĩa vụ như con đẻ..."*

Tại Điều 24 Luật HN và GĐ năm 1959 quy định: *"Con nuôi có quyền lợi, nghĩa vụ như con đẻ"*.

c. *Văn bản thứ ba*: Thông tư số 81/TANDTC ngày 24/7/1981 của Tòa án nhân dân tối cao. Để thực hiện thống nhất hai văn bản pháp luật có quy định về thừa kế nói trên, ngày 24/7/1981 Tòa án nhan dân tối cao ban hành Thông tư 81/TANDTC hướng dẫn giải quyết các tranh chấp về thừa kế. Các nội dung hướng dẫn là:

- Xác định di sản thừa kế.
- Thừa kế theo pháp luật bao gồm các vấn đề: Xác đinh người thừa kế, hàng thừa kế và phân chia di sản thừa kế.
- Thừa kế theo di chúc bao gồm các vấn đề:

Hình thức di chúc, xác định di chúc hợp pháp và quyền định đoạt tài sản của người lập di chúc.

2. Từ ngày 30/8/1990 đến nay:

Giai đoạn này, pháp luật thừa kế có quy định thời hiệu khởi kiện về thừa kế. Các văn bản pháp luật đó là:

a. *Văn bản thứ nhất*: Pháp lệnh Thừa kế.

Ngày 30/8/1990 Hội đồng Nhà nước thông qua Pháp lệnh Thừa kế (Pháp lệnh TK năm 1990). Pháp lệnh này có 5 Chương với 38 điều luật. Tại khoản 1 Điều 36 của Pháp lệnh này quy định thời hiệu khởi kiện về thừa kế như sau: *"1. Trong thời hạn mười năm kể từ thời điểm mở thừa kế, người thừa kế có quyền khởi kiện để yêu cầu chia di sản, xác nhận quyền thừa kế của mình hoặc bác bỏ quyền thừa kế của người khác"*.

b. *Văn bản thứ hai*: Bộ luật Dân sự (BLDS) được Quốc hội thông qua ngày 28/10/1995

Tại Điều 648 BLDS năm 1995 quy định thời hiệu khởi kiện về quyền thừa kế như sau: *"Thời hiệu khởi kiện về quyền thừa kế là mười năm kể từ thời điểm mở thừa kế"*.

c. *Văn bản thứ ba*: BLDS được Quốc hội thông qua ngày 14/6/2005

Điều 645 BLDS năm 2005 quy định thời hiệu khởi kiện về thừa kế như sau: *"Thời hiệu khởi kiện để người thừa kế yêu cầu chia di sản, xác nhận quyền thừa kế của mình hoặc bác bỏ quyền thừa kế của người khác là mười năm, kể từ thời điểm mở thừa kế..."*

Thời hiệu khởi kiện về thừa kế quy định trong BLDS năm 2005 đang có hiệu lực thi hành.

Như vậy, pháp luật thừa kế ở nước ta đã có thời gian không quy định thời hiệu khởi kiện về chia di sản là từ ngày 02/9/1945 đến trước ngày 30/8/1990. Khoảng thời gian hơn 40 năm này cũng đủ để Nhà làm luật và các cơ quan tiến hành tố tụng dân sự ở nước ta suy xét về việc nên hay không nên quy định thời hiệu khởi kiện về chia di sản. Đồng thời, ở nước ta cũng có thời gian quy định thời hiệu khởi kiện về chia di sản kể từ ngày 10/9/1990 (ngày Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Công bố Pháp lệnh Thừa kế) đến nay (năm 2015). Trong Pháp lệnh TK không giải thích thời hiệu khởi kiện là gì. Tuy nhiên, ngày 19/10/1990, Hội đồng Thẩm phán TANDTC đã ban hành Nghị quyết số 02/HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh Thừa kế. Tại Mục 10 của Nghị quyết này giải thích thời hiệu khởi kiện như sau: *"a) Thời hiệu khởi kiện là thời hạn mà công dân, tổ chức có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án bảo vệ lợi ích của mình. Quá thời hạn đó họ không có quyền khởi kiện nữa..."*. Nội dung giải thích về thời hiệu khởi kiện tuy sau này có sửa đổi, bổ sung, nhưng nội dung cơ bản về giải thích thời hiệu khởi kiện được giữ nguyên và được quy định tại các văn bản pháp luật sau:

- Quy định tại khoản 3 Điều 164 BLDS năm 1995 với nội dung như sau:

"Thời hiệu khởi kiện là thời hạn mà chủ thể được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp bị xâm phạm; nếu thời hạn đó kết thúc, thì mất quyền khởi kiện".

- Quy định tại khoản 1 Điều 159 BLTTDS năm 2004 với nội dung như sau: *"Thời hiệu khởi kiện là thời hạn mà chủ thể được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm, nếu thời hạn đó kết thúc thì mất*

quyền khởi kiện, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác."

- Quy định tại khoản 3 Điều 155 BLTTDS năm 2005 với nội dung như sau: *"Thời hiệu khởi kiện là thời hạn mà chủ thể được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm; nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền khởi kiện".*

- Quy định tại khoản 1 Điều 159 BLTTDS năm 2004 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2011 với nội dung như sau: *"Thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự là thời hạn mà chủ thể được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm; nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền khởi kiện trừ trường hợp pháp luật có quy định khác".*

Ngày 24/11/2015, Quốc hội khóa XIII đã thông qua BLDS (sau đây viết tắt là BLDS 2015). Tại Điều 623 BLDS năm 2015 quy định thời hiệu thừa kế như sau: *"Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế. Hết thời hạn này, thì di sản thuộc về người thừa kế quản lý di sản đó".* Như vậy là, Quốc hội nước ta đã quyết định thời hiệu thừa kế, do đó, không có việc tham gia ý kiến nên hay không nên quy định thời hiệu thừa kế.

Chúng tôi được biết vấn đề thời hiệu thừa kế luôn luôn có hai ý kiến nên và không nên quy định thời hiệu thừa kế, đơn cử như, trong bài viết đăng trên Tạp chí Tòa án nhân dân số 11 năm 2015 của tác giả Đỗ Văn Đại đã nêu "Chúng ta lại bắt những người con phải chia năm xẻ bảy khối tài sản". Ý kiến này của tác giả theo chúng tôi là chưa thỏa đáng, bởi vì:

Không phải do BLDS quy định thời hiệu khởi kiện về chia di sản là BLDS "bắt" các thừa kế phải "chia năm xẻ bảy" khối tài sản, mà bản thân di sản đã ẩn chứa sự "chia năm xẻ bảy". Vấn đề chia năm xẻ bảy di sản chỉ là thời gian yêu cầu chia mà thôi. Trong thực tế giải quyết các vụ án thừa kế cho thấy, có nhiều trường hợp, sau thời điểm mở thừa kế, các thừa kế không có tranh chấp di sản, đến năm hoặc mười năm sau mới có thừa kế yêu cầu chi di sản với lý do là, tài sản của cha mẹ để lại thì phần của ai người đó tự giữ và hưởng thụ.

Về pháp luật dân sự, ngoài quy định thời hiệu khởi kiện về chia di sản, pháp luật dân sự còn quy định người thừa kế từ chối nhận di sản. Cụ thể như sau:

Tại Điều 31 Pháp lệnh TK năm 1990 quy định như sau: *"Người thừa kế có thể khước từ quyền hưởng di sản..."*

Tại Điều 645 BLDS năm 1995 quy định như sau: *"Người thừa kế có quyền từ chối nhận di sản...".*

Tại Điều 642 BLDS năm 2005 quy định như sau: *"Người thừa kế có quyền từ chối nhận di sản..."*

Trong thực tế, có nhiều trường hợp, người thừa kế từ chối nhận di sản và hậu quả là khối di sản không phải "chia năm, xẻ bảy" mà người thừa kế đang quản lý di sản tiếp tục quản lý, giữ gìn và hưởng lợi từ di sản.

Về pháp luật tố tụng dân sự, thì pháp luật đã quy định, Tòa án nhân dân chỉ giải quyết những vụ có tranh chấp. Cụ thể như sau:

Tại Điều 10 Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án dân sự được Hội đồng Nhà nước thông

quả ngày 29/11/1959 quy định những việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân như sau: *"1) Những tranh chấp về quyền sở hữu..."*

Tại khoản 5 Điều 25 BLTTDS được Quốc hội thông qua ngày 15/6/2004 quy định những tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án như sau: *"5) Tranh chấp thừa kế tài sản"*.

Tại khoản 5 Điều 25 BLTTDS được sửa đổi, bổ sung ngày 29/3/2011 quy định những tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án như sau: *"5) Tranh chấp về thừa kế tài sản"*.

Như vậy, pháp luật tố tụng dân sự quy định Tòa án chỉ giải quyết vụ án dân sự khi có tranh chấp, trong đó có tranh chấp về thừa kế di sản. Có nghĩa là, các thừa kế đã tự "chia năm, xẻ bảy" di sản, nhưng việc "chia năm, xẻ bảy" đó vẫn không được sự đồng thuận của các thừa kế, nên các thừa kế phải yêu cầu Tòa án phân chia để làm căn cứ pháp luật đăng ký quyền sử dụng đất, đăng ký quyền sở hữu tài sản đối với tài sản phải có Giấy chứng nhận quyền sở hữu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do đó, yêu cầu của những người thừa kế về việc yêu cầu Tòa án chia di sản là yêu cầu tự nguyện, khách quan.

Tiếp tục quy định hay bỏ quy định thời hiệu khởi kiện về thừa kế? Vấn đề này, ở phần trên bài viết chúng tôi đã trình bày là: Ở nước ta từ ngày thành lập nước đến nay, tuy thời gian không nhiều (70 năm) so với lịch sử, nhưng cũng đã có thời gian pháp luật dân sự không quy định thời hiệu về thừa kế và cũng có thời gian pháp luật dân sự quy định thời hiệu khởi kiện về thừa kế, nên nhà làm luật và các cơ quan tiến hành tố tụng dân sự cũng đã có thực tế trải nghiệm để so sánh, lựa chọn.

Khi xây dựng quy định thời hiệu khởi kiện về thừa kế, cũng đã có ý kiến khác nhau, nhưng ý kiến quy định thời hiệu khởi kiện về thừa kế chiếm tỷ lệ rất cao. Bằng chứng là: Khi Dự thảo BLDS trình Quốc hội được Quốc hội thông qua.

Thực tế cho thấy, ngày 24/11/2015, Quốc hội khóa XIII của Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua BLDS. BLDS năm 2015 vẫn quy định thời hiệu thừa kế, chỉ có khác là, chia ra hai thời hiệu khởi kiện. Cụ thể là thời hiệu khởi kiện đối với di sản là bất động sản là ba mươi năm, còn thời hiệu khởi kiện đối với di sản là động sản là mười năm.

Theo chúng tôi, BLDS năm 2015 chia ra hai thời hiệu khởi kiện đối với hai loại di sản (bất động sản và động sản) là vì các lý do sau:

Thứ nhất: Thời hiệu khởi kiện liên quan đến thời hạn được quyền sử dụng đất.

Đại đa số các di sản thừa kế là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở. Theo Luật Đất đai (LĐĐ) hiện hành thì đất ở được sử dụng ổn định, lâu dài, còn đất nông nghiệp bao gồm đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất làm muối, đất nuôi trồng thủy sản v.v... là đất được Nhà nước giao sử dụng có thời hạn là 50 năm (Điều 126 LĐĐ được sửa đổi, bổ sung năm 2013 và Điều 20 LĐĐ năm 1993). Do đó, sẽ có trường hợp, tại thời điểm mở thừa kế, thì đất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản,... còn thời hạn sử dụng đất, khi có tranh chấp yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế, thì đất di sản đó đã hết thời hạn sử dụng đất đối với người để lại di sản. Trường hợp này LĐĐ hiện hành chưa quy định và không thuộc trường hợp quy định tại

Điều 203 LĐĐ hiện hành. Vì tranh chấp di sản là quyền sử dụng đất thực chất là tranh chấp chia quyền sử dụng đất, mà đất di sản đó lại không có giấy tờ hợp pháp.

Thực tế thực hiện LĐĐ năm 2003 (chưa sửa đổi, bổ sung) đã có trường hợp người để lại di sản là quyền sử dụng đất nông nghiệp, nhưng người để lại di sản không có giấy tờ theo quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 LĐĐ năm 2003, nên Tòa án không có căn cứ pháp luật để giải quyết. Vì tại khoản 1 Điều 136 LĐĐ năm 2003 không quy định.

Thứ hai: Do yêu cầu xây dựng xã hội mới. Nước ta đang trong thời kỳ phát triển kinh tế, nhiều khu công nghiệp, nhiều khu đô thị mới được hình thành và phát triển hệ thống giao thông, nên rất cần đất để xây dựng theo yêu cầu xây dựng xã hội mới. Yêu cầu này có tác động đến di sản là quyền sử dụng đất nông nghiệp và tác động đến việc nơi cư trú mới của người thừa kế. Trường hợp này, trong những năm đầu thế kỷ XXI đã có nhiều vụ thừa kế khi có dự án xây dựng, khu công nghiệp, dự án xây dựng đô thị mới, các thừa kế mới phát sinh tranh chấp di sản là tiền đền bù do thu hồi đất (trước khi có dự án thì không có tranh chấp) để có tiền giải quyết nơi cư trú mới; giải quyết nghề nghiệp mới sau khi bị thu hồi đất.

Thứ ba: Quy định thời hiệu khởi kiện về chia thừa kế cũng là góp phần hạn chế tranh chấp di sản. Pháp luật về thừa kế có các quy định: Tôn trọng quyền thừa kế của cá nhân (Điều 631BLDS); quyền bình đẳng về thừa kế của cá nhân(Điều 632BLDS); quyền từ chối nhận di sản (Điều 642 BLDS). Cũng theo quy định của Pháp luật về thừa kế, thì di sản quy định tại Điều 634 BLDS thì di sản là tài sản chung của những người thừa kế. Nói về quyền sở hữu, thì kể từ thời điểm mở thừa kế, người để lại di sản đã chuyển quyền sở hữu tài sản của cá nhân mình sang hình thức sở hữu chung của những người thừa kế và những người thừa kế là chủ sở hữu đối với di sản.

Đối với hình thức sở hữu chung tài sản thì trong BLDS không quy định thời hiệu khởi kiện. Đối với di sản mà không có tranh chấp, sau khi kết thúc thời hiệu khởi kiện mà chủ sở hữu chung có yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, thì Tòa án giải quyết chia tài sản chung. Vấn đề này được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 (sau đây viết tắt là NQ số 02/2004).

Tại tiểu mục 2.4 Mục 2 Phần I của NQ số 02/2004 hướng dẫn như sau: *"Không áp dụng thời hiệu khởi kiện về quyền thừa kế. a) Trường hợp trong thời hạn mười năm, kể từ thời điểm mở thừa kế mà các đồng thừa kế không có tranh chấp về quyền thừa kế và có văn bản cùng xác nhận là đồng thừa kế hoặc sau khi kết thúc thời hạn mười năm mà các đồng thừa kế không có tranh chấp về hàng thừa kế và đều thừa nhận di sản do người chết để lại chưa chia, thì di sản đó chuyển thành tài sản chung của các thừa kế. Khi có tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện về quyền thừa kế mà áp dụng các quy định của pháp luật về chia tài sản chung để giải quyết và cần phân biệt như sau:*

a-1) Trường hợp xác định có di chúc mà các đồng thừa kế không có tranh chấp và thỏa thuận việc chi tài sản sẽ được thực hiện theo di

chúc khi có nhu cầu chia tài sản thì việc chia tài sản chung đó được thực hiện theo di chúc.

a-2) Trường hợp không có di chúc mà các đồng thừa kế thỏa thuận về phần mỗi người được hưởng khi có nhu cầu chia tài sản, thì việc chia tài sản chung đó được thực hiện theo thỏa thuận của họ

a-3) Trong trường hợp không có di chúc và các đồng thừa kế không có thỏa thuận về phần mỗi người được hưởng, khi có nhu cầu chia tài sản, thì việc chia tài sản chung đó được thực hiện theo quy định của pháp luật về chia tài sản chung."

BLDS hiện hành không quy định về thời hiệu khởi kiện về chia tài sản chung và theo hướng dẫn của NQ số 02/2004 về không áp dụng thời hiệu khởi kiện về quyền thừa kế mà chúng tôi trình bày ở trên có tác động nhất định về việc những người thừa kế không có tranh chấp trong thời hạn của thời hiệu khởi kiện về thừa kế, để khi kết thúc thời hiệu sẽ không bị hạn chế thời hạn chia tài sản chung là di sản.

Thứ tư: Nhìn từ góc độ trách nhiệm, thì thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự nói chung và thời hiệu khởi kiện về thừa kế nói riêng chỉ là sự thông báo người thừa kế biết về quyền hạn giải quyết tranh chấp về thừa kế của Tòa án chỉ giới hạn trong một khoảng thời gian nhất định, nếu người thừa kế có yêu cầu trong thời hiệu khởi kiện, thì Tòa án mới có quyền giải quyết. Vì Tòa án phải thường xuyên giải quyết các tranh chấp dân sự mà pháp luật không quy định thời hiệu khởi kiện như: Tranh chấp về quyền sở hữu tài sản, tranh chấp về đòi lại tài sản do người khác quản lý chiếm hữu, tranh chấp về quyền sử dụng đất, về chia tài sản chung và tranh chấp khác mà pháp luật có quy định không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

Với các lý do mà chúng tôi trình bày ở trên, thì việc pháp luật dân sự quy định thời hiệu khởi kiện về thừa kế là cần thiết, sát thực tế.

3. Ý kiến đề nghị: Từ thực tế hoạt động tố tụng dân sự về thừa kế, chúng tôi đề nghị một số nội dung sau:

Một là: Về thẩm quyền giải quyết đối với di sản là quyền sử dụng đất mà tại thời điểm khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản là quyền sử dụng đất, nhưng thời hạn sử dụng đất đã kết thúc. Vấn đề này, cần có hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về thẩm quyền giải quyết là UBND hay Tòa án nhân dân. Có hướng dẫn về thẩm quyền giải quyết thì thời hạn giải quyết vụ án mới bảo đảm được theo quy định của Pháp luật và người khởi kiện đến đúng cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Hai là: BLDS năm 2015 có nhiều quy định mới, cụ thể là:

Quy định về chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự có cá nhân và pháp nhân. (Điều 1). Quy định về xác định lại giới tính (Điều 36). Quy định về chuyển đổi giới tính (Điều 37). Quy định về lãi suất theo thỏa thuận (Điều 468). Quy định về thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi (Điều 420). Quy định về thừa kế trong trường hợp vợ chồng đã chia tài sản chung, vợ chồng đang xin ly hôn hoặc đã kết hôn với người khác (Điều 655) v.v...

Để bảo đảm thống nhất về nhận thức pháp luật, về thực hiện giải quyết tranh chấp tại Tòa án, rất mong hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về xác định di sản là quyền sử dụng đất.❑